TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2017/DS-ST
Ngày: 08-9-2017
V/v tranh chấp: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Bích

Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Tuyết
Ông Nguyễn Tư Sanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hải – Kiểm Sát Viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2017/TLST–DS ngày 17 tháng 02 năm 2017 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2017/QĐST-DS ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V
Trụ sở: 89 đường M, phường N, quận P, thành phố Hà Nội
Địa chỉ liên lạc: Tầng 9, tòa nhà VpBank Tower, số 1-1A-2 đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
Ông Ngô Chí D; cư trú tại Biệt thự 39, số 10 đường D, phường E, quận F, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP V)
Ông Đỗ Thành T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Giấy ủy quyền số 02/2015/UQ-HĐQT ngày 11/02/2015)

Ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho ông Phan Phụng Đức Hiếu hoặc ông Vũ Hồng Huân làm đại diện (Giấy ủy quyền số 41/2016/UQ-VPB ngày 24/12/2016).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Thế P, sinh năm 1980.
Thường trú: 555 đường H, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/01/2017, bản tự khai các ngày 22/3/2017, 28/6/2017 *và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Ngân hàng TMCP V trình bày:*

Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) với ông Huỳnh Thế P (gọi tắt là ông P) thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dung kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014, với nội dung:

Ông P vay của Ngân hàng số tiền 18.000.000 đồng (mười tám triệu đồng).

Mục đích vay: mua xe

Thời hạn vay: 24 tháng từ ngày 21/5/2014 đến 21/5/2016.

Lãi suất cho vay: Tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 30%/năm, điều chỉnh 03 tháng một lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm với biên độ (+) 23,8%/năm.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng trên không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.

Ngày 07/10/2014, ông P tiếp tục có Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Dựa trên đề nghị của ông P, sau khi xem xét hồ sơ đề nghị, Ngân hàng đã phê duyệt cho ông P vay theo Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 với nội dung:

Số tiền ông P vay: 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng)

Thời hạn vay được phê duyệt: 36 tháng tính kể từ ngày 14/10/2014.

Lãi suất cho vay: 27%/năm, cố định trong suốt thời hạn vay.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Hợp đồng tín dụng trên không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định trong hai hợp đồng tín dụng trên. Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ và tạo điều kiện cho ông P thanh toán nhưng ông P cố tình tránh né, không thực hiện nghĩa vụ cho Ngân hàng.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu ông P phải thanh toán nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/6/2017 đối với cả hai hợp đồng tín dụng trên là 146.517.588 đồng. Trong đó, đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 thì nợ gốc là 7.500.000 đồng, nợ lãi là 6.597.402

đồng (lãi trong hạn là 4.404.194 đồng, lãi quá hạn là 2.193.208 đồng). Đối với Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 thì nợ gốc là 73.772.451 đồng và nợ lãi là 58.647.735 đồng (lãi trong hạn là 39.503.784 đồng, lãi quá hạn là 19.143.951 đồng). Ngoài ra, ông P còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại hai Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Bị đơn - ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 16/2017/DSST ngày 17/02/2017 (giấy báo số 03/2017/GB-TA ngày 22/02/2017); Giấy triệu tập ngày 01/3/2017 để ghi nhận ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn; Giấy triệu tập các ngày 23/5/2017, 06/6/2017 về việc tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cùng số 16/TB-TA các ngày 23/5/2017 và 06/6/2017; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ số 16/TB-TA ngày 19/5/2017; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 16/2017/TB-TA ngày 28/6/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXXST-DS ngày 03/8/2017 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2017/QĐST-DS ngày 21/8/2017 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa, nhưng ông P vẫn không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt không lý do trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Các đương sự đã chấp hành qui định pháp luật và Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V buộc ông P phải thanh toán ngay một lần số tiền 146.517.588 đồng (gốc 81.772.451 đồng, lãi 65.245.136 đồng) tính đến ngày 28/6/2017. Ngoài ra, ông P còn phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại hợp đồng đã ký kể từ ngày 29/6/2017 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Về án phí, ông P chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) khởi kiện, yêu cầu ông Huỳnh Thế P (sau đây gọi tắt là ông P) trả tiền nợ theo hai Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 và số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 nên đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp

huyện được qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về tố tụng: Bị đơn là ông P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2017/QĐXXST-DS ngày 03/8/2017 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa; Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2017/QĐST-DS ngày 21/8/2017 và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông P.

[4] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông P phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/6/2017 đối với hai hợp đồng tín dụng là 146.517.588 đồng. Trong đó, đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 thì nợ gốc là 7.500.000 đồng, nợ lãi là 6.597.402 đồng (lãi trong hạn là 4.404.194 đồng, lãi quá hạn là 2.193.208 đồng). Đối với Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 thì nợ gốc là 73.772.451 đồng và nợ lãi là 58.647.735 đồng (lãi trong hạn là 39.503.784 đồng, lãi quá hạn là 19.143.951 đồng). Ngoài ra, ông P còn phải chịu lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng.

[5] Về nợ gốc: Căn cứ Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 thể hiện ông P vay Ngân hàng số tiền 18.000.000 đồng, mục đích vay là mua xe và Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay trên cho ông P qua chuyển khoản vào ngày 21/5/2014. Căn cứ Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ, vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 thể hiện ông P vay Ngân hàng số tiền 90.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng và Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay trên cho ông P vào ngày 14/10/2014.

[6] Căn cứ bảng tính lãi của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 với số nợ 18.000.000 đồng thì ông P đã trả được tiền gốc 10.500.000 đồng, còn nợ 7.500.000 đồng. Đối với Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 với số nợ 90.000.000 đồng thì ông P đã trả được tiền gốc là 16.227.549 đồng, còn nợ lại 73.772.451 đồng.

[7] Căn cứ Thông báo về việc chuyển nợ quá hạn và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ ngày 24/02/2015 của Ngân hàng gửi ông P đối với Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 thể hiện ông P đã không trả được khoản nợ vay (gốc, lãi) đến hạn theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng.

[8] Tại khoản 1 Điều 9 Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 quy định: Trường hợp Bên

vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi theo các Kỳ trả nợ (Lịch trả nợ) thì các khoản nợ gốc, nợ lãi của Bên vay sẽ là nợ quá hạn và thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc và/hoặc lãi theo các Kỳ trả nợ. Tại khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định về trường hợp chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ như sau:

"*1.Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*". Như vậy, căn cứ theo tài liệu chứng cứ thể hiện từ sau ngày 06/8/2015 cho đến nay, ông P không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào của hai hợp đồng tín dụng trên cho Ngân hàng. Do vậy việc Ngân hàng chuyển nợ gốc là nợ lãi của ông P thành nợ quá hạn đồng thời chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ đối với Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 và thu hồi nợ trước hạn đối với Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 là phù hợp theo quy định của pháp luật và theo thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng.

[9] Về nợ lãi: Ngân hàng yêu cầu ông P thanh toán tiền lãi tính đến ngày 28/6/2017 đối với khoản vay 18.000.000 đồng là 6.597.402 đồng (lãi trong hạn là 4.404.194 đồng, lãi quá hạn là 2.193.208 đồng) và đối với khoản vay 90.000.000 đồng là 58.647.735 đồng (lãi trong hạn là 39.503.784 đồng, lãi quá hạn là 19.143.951 đồng). Căn cứ theo bảng tính lãi và bản tự khai ngày 28/6/2017 của Ngân hàng thì ông P đã trả được 4.853.323 đồng tiền lãi cho khoản vay 18.000.000 đồng và 17.187.795 đồng cho khoản vay 90.000.000 đồng.

[10] Lãi suất theo Điều 2 của Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 các bên thỏa thuận lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 30%/năm, được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/4, 01/7 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/10/2014, mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 23,8%/năm. Các bên đã thỏa thuận việc điều chỉnh lãi suất Ngân hàng sẽ tự thực hiện, không phải thông báo cho Bên vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

[11] Lãi suất theo Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 các bên thỏa thuận là 27%/năm, không thay đổi trong suốt thời hạn vay. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

[12] Tại Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT – NHNN ngày 14/04/2010 của Thống Đốc Ngân Hàng Nhà Nước về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận thì: *"Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn của dự án, phương án sản xuất, kinh doanh……"* nên việc các bên thỏa thuận về lãi suất tại hợp đồng tín dụng là hoàn toàn phù hợp. Đối chiếu với số tiền lãi đã trả và số tiền lãi còn phải trả của các

hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến thời điểm ngày 28/6/2017 mà phía Ngân hàng yêu cầu ông P phải trả thì ông P còn nợ tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng là 65.245.137 đồng (6.597.402 đồng của khoản vay 18.000.000 đồng và 58.647.735 đồng của khoản vay 90.000.000 đồng) là hoàn toàn có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng, buộc bị đơn ông P phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ nợ gốc và lãi tính đến ngày 28/6/2017 của cả hai hợp đồng tín dụng là 146.517.588 đồng. Trong đó bao gồm nợ gốc là 81.772.451đồng, lãi 65.245.136 đồng.

[14] Về thời hạn thanh toán: Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông P trả số tiền nợ nêu trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[15] Xét, tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Dân sự quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn…*". Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn ông P có nghĩa vụ trả số tiền 146.517.588 đồng một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[16] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 7.325.879 đồng.

[17] Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng số tiền 4.313.114 đồng theo biên lai thu số AB/2012/07963 ngày 17/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 267, Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 290, Điều 305, Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V:

1.1. Buộc ông Huỳnh Thế P phải trả cho Ngân hàng TMCP V số nợ tổng cộng cho cả hai Hợp đồng tín dung là 146.517.588 đồng, trong đó:

+ Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014: 7.500.000 đồng.

+ Nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014: 6.597.402 đồng (Lãi trong hạn là 4.404.194 đồng, lãi quá hạn là 2.193.208 đồng tính đến hết ngày 28/6/2017).

+ Nợ gốc của Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014: 73.772.451 đồng

+ Nợ lãi của Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014: 58.647.735 đồng (Lãi trong hạn là 39.503.784 đồng, lãi quá hạn là 19.143.951 đồng tính đến hết ngày 28/6/2017).

Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2.Ông Huỳnh Thế P còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số nợ vốn vay với mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HCM/14/3085/HĐTD/UPL (LD 1414100388) ngày 21/5/2014 và Hợp đồng tín dụng số 2013929 (LD 1428700281) ngày 14/10/2014 tương ứng với từng khoản nợ kể từ ngày 29/6/2017 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Huỳnh Thế P chịu 7.325.879 đồng (Bảy triệu, ba trăm hai mươi lăm nghìn, tám trăm bảy mươi chín đồng)

2.2. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP V số tiền 4.313.114 đồng theo biên lai thu số AB/2012/07963 ngày 17/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng TMCP V được quyền kháng cáo bản án trọng hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Huỳnh Thế P có quyền kháng cáo bản án s ơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS nhân dân Quận 5;
- Chi cục THA DS Quận 5;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đỗ Thị Ngọc Bích